



1153

Series

Tải nặng

SERIES 53 BÁNH XE CHUẨN CHÂU ÂU

53歐款系列

○ Tầm lắp chuẩn Châu Âu, cấu tạo càng bánh được thiết kế đặc biệt, chịu tải lớn. Bánh xe xoay chuyển linh hoạt, có khóa kép, thích hợp cho những loại xe đẩy tải nặng và vừa.

● 歐規底板，腳架採特別結構設計，荷重高、轉動靈活，雙刹制動，適用於中、重型台車。

Tải trọng 載重
125-350 kg



» Đặc điểm 特色區



Khóa sau
後刹



Khóa trước
前刹



Khóa trung tâm
中控



Khóa định hướng
定向刹



Ô bi
滾珠軸承

Ô đũa
滾針軸承

Ống trục/Ống bạc
中管

Ô đũa chính xác
精密長珠軸承

» Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh QPU lõi nhôm
鋁芯AQPƯ



Bánh EQPU
EQPU輪



Bánh VQPU
VQPU輪



Bánh cao su lõi nhôm
鋁芯橡膠輪



Bánh MRC
MRC輪



Bánh Resolute đàn hồi (Đen xanh)
彈力全效輪 (黑藍)



Bánh Resolute đàn hồi (Xám xám)
彈力全效輪 (灰灰)



Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi thép)
實心橡膠彈力輪 (鐵框+黑膠條)



Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi thép)
實心橡膠彈力輪 (鐵框+灰膠條)



Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi nhựa)
實心橡膠彈力輪 (塑框+黑膠條)



Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi nhựa)
實心橡膠彈力輪 (塑框+灰膠條)

» Quy cách tầm lắp 底板規格

Số thứ tự 編號	Kích thước tầm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
1	137 x 105mm(5-3/8" x 4-1/8")	105 x 80/75mm(4-1/8" x 3-1/8")	10mm (3/8")
2	137 x 105mm(5-3/8" x 4-1/8")	92.5 x 84.5mm(3-5/8" x 3-5/16") (Tầm lắp lớn VN) (越南大底板)	M10 (3/8")
3	137 x 105mm(5-3/8" x 4-1/8")	118 x 75mm(4-11/16" x 3") (Tầm lắp càng xanh) (藍架底板)	M10 (3/8")



» Quy cách lỗ giữa/lỗ tròn 空 鉚 規 格

Số thứ tự 編號	Đường kính lỗ giữa/lỗ tròn 孔徑
1	13mm

 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Lệch tâm 偏心距	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車				
150 x 40mm (6" x 1-9/16")	280kgs (615 lbs)	Bánh cao su lõi nhôm 鋁芯橡膠輪	1153-06-22-1	1153-06-22-2	1153-06-22-4	Ổ bi 滾珠	190mm (7-1/2")	55mm	Xoay 131mm Khóa sau 131mm Khóa trước 165mm 活動131mm 後剎131mm 前剎165mm
	350kgs (770 lbs)	Bánh MRC MRC輪	1153-06-45-1	1153-06-45-2	1153-06-45-4	Ổ bi 滾珠			
	125kgs (275 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi thép) 實心橡膠彈力輪(鐵框+黑膠條)	1153-06-103-1	1153-06-103-2	1153-06-103-4	Ổ đĩa 滾針			
	125kgs (275 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪(塑框+黑膠條)	1153-06-104-1	1153-06-104-2	1153-06-104-4	Ổ đĩa 滾針 Ổng trục/Ổng bạc 中管			
	125kgs (275 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi thép) 實心橡膠彈力輪(鐵框+灰膠條)	1153-06-106-1	1153-06-106-2	1153-06-106-4	Ổ đĩa 滾針			
	125kgs (275 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪(塑框+灰膠條)	1153-06-107-1	1153-06-107-2	1153-06-107-4	Ổ đĩa 滾針 Ổng trục/Ổng bạc 中管			
150 x 42mm (6" x 1-5/8")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPƯ(圓弧)	1153-06-87-1	1153-06-87-2	1153-06-87-4	Ổ bi 滾珠	190mm (7-1/2")	55mm	Xoay 131mm Khóa sau 131mm Khóa trước 165mm 活動131mm 後剎131mm 前剎165mm
	350kgs (770 lbs)	Bánh EQPU(cong) EQPU輪(圓弧)	1153-06-81-1	1153-06-81-2	1153-06-81-4				
	350kgs (770 lbs)	Bánh EQPU(phẳng) EQPU輪(平面)	1153-06-81-1	1153-06-81-2	1153-06-81-4				
	350kgs (770 lbs)	Bánh VQPU (cong) VQPU輪(圓弧)	1153-06-83-1	1153-06-83-2	1153-06-83-4				
150 x 50mm (6" x 2")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (phẳng) 鋁芯AQPƯ(平面)	1153-06-87-1	1153-06-87-2	1153-06-87-4	Ổ bi 滾珠	190mm (7-1/2")	55mm	Xoay 131mm Khóa sau 131mm Khóa trước 165mm 活動131mm 後剎131mm 前剎165mm
160 x 40mm (6-5/16" x 1-9/16")	350kgs (770 lbs)	Bánh MRC MRC輪	1153-65-45-1	1153-65-45-2	1153-65-45-4	Ổ bi 滾珠 Ổng trục/Ổng bạc 中管 Ổ đĩa 滾針 Ổ đĩa chính xác 精密長珠軸承	200mm (7-7/8")	55mm	Xoay 136mm Khóa sau 136mm Khóa trước 165mm 活動136mm 後剎136mm 前剎165mm
	135kgs (295 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi thép) 實心橡膠彈力輪(鐵框+黑膠條)	1153-65-103-1	1153-65-103-2	1153-65-103-4	Ổ đĩa 滾針			
	135kgs (295 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪(塑框+黑膠條)	1153-65-104-1	1153-65-104-2	1153-65-104-4	Ổ đĩa 滾針 Ổng trục/Ổng bạc 中管			
	135kgs (295 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi thép) 實心橡膠彈力輪(鐵框+灰膠條)	1153-65-106-1	1153-65-106-2	1153-65-106-4	Ổ đĩa 滾針			
	135kgs (295 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪(塑框+灰膠條)	1153-65-107-1	1153-65-107-2	1153-65-107-4	Ổ đĩa 滾針 Ổng trục/Ổng bạc 中管			
160 x 42mm (6-5/16" x 1-5/8")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPƯ(圓弧)	1153-65-87-1	1153-65-87-2	1153-65-87-4	Ổ bi 滾珠	200mm (7-7/8")	55mm	Xoay 136mm Khóa sau 136mm Khóa trước 165mm 活動136mm 後剎136mm 前剎165mm
	300kgs (660 lbs)	Bánh cao su lõi nhôm 鋁芯橡膠輪	1153-65-22-1	1153-65-22-2	1153-65-22-4	Ổ bi 滾珠			
160 x 48mm (6-5/16" x 1-7/8")	300kgs (660 lbs)	Bánh Resolute đàn hồi (Xám xám) 彈力全效輪(灰灰)	1153-65-105-1	1153-65-105-2	1153-65-105-4	Ổ bi 滾珠 Ổ đĩa 滾針 Ổ đĩa chính xác 精密長珠軸承	200mm (7-7/8")	55mm	Xoay 136mm Khóa sau 136mm Khóa trước 165mm 活動136mm 後剎136mm 前剎165mm
	300kgs (660 lbs)	Bánh Resolute đàn hồi (Đen xanh) 彈力全效輪(黑藍)	1153-65-50-1	1153-65-50-2	1153-65-50-4	Ổ bi 滾珠 Ổ đĩa 滾針 Ổ đĩa chính xác 精密長珠軸承			



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Lệch tâm 偏心距	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車				
160 x 50mm (6-5/16" x 2")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (phẳng) 鋁芯AQPƯ (平面)	1153-65-87-1	1153-65-87-2	1153-65-87-4	Ổ bi 滾珠	200mm (7-7/8")	55mm	Xoay 136mm Khóa sau 136mm Khóa trước 165mm 活動136mm 後剎136mm 前剎165mm
180 x 44mm (7" x 1-3/4")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPƯ (圓弧)	1153-07-87-1	1153-07-87-2	1153-07-87-4	Ổ bi 滾珠	220mm (8-11/16")	55mm	Xoay 145mm Khóa sau 145mm Khóa trước 165mm 活動145mm 後剎145mm 前剎165mm
180 x 50mm (7" x 2")	175kgs (385 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi thép) 實心橡膠彈力輪 (鐵框+黑膠條)	1153-07-103-1	1153-07-103-2	1153-07-103-4	Ổ đĩa 滾針	220mm (8-11/16")	55mm	Xoay 145mm Khóa sau 145mm Khóa trước 165mm 活動145mm 後剎145mm 前剎165mm
	175kgs (385 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+黑膠條)	1153-07-104-1	1153-07-104-2	1153-07-104-4	Ổ đĩa 滾針 Ổng trực/Ổng bạc 中管			
	175kgs (385 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi thép) 實心橡膠彈力輪 (鐵框+灰膠條)	1153-07-106-1	1153-07-106-2	1153-07-106-4	Ổ đĩa 滾針			
	175kgs (385 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+灰膠條)	1153-07-107-1	1153-07-107-2	1153-07-107-4	Ổ đĩa 滾針 Ổng trực/Ổng bạc 中管			
200 x 44mm (8" x 1-3/4")	350kgs (770 lbs)	Bánh cao su lõi nhôm 鋁芯橡膠輪	1153-08-22-1	1153-08-22-2	1153-08-22-4	Ổ bi 滾珠	240mm (9-1/2")	55mm	Xoay 155mm Khóa sau 155mm Khóa trước 165mm 活動155mm 後剎155mm 前剎165mm
200 x 48mm (8" x 1-7/8")	325kgs (715 lbs)	Bánh Resolute đàn hồi (Xám xám) 彈力全效輪 (灰灰)	1153-08-105-1	1153-08-105-2	1153-08-105-4	Ổ bi 滾珠 Ổ đĩa 滾針 Ổ đĩa chính xác 精密長珠軸承	240mm (9-1/2")	55mm	Xoay 155mm Khóa sau 155mm Khóa trước 165mm 活動155mm 後剎155mm 前剎165mm
	325kgs (715 lbs)	Bánh Resolute đàn hồi (Đen xanh) 彈力全效輪 (黑藍)	1153-08-50-1	1153-08-50-2	1153-08-50-4	Ổ bi 滾珠 Ổ đĩa 滾針 Ổ đĩa chính xác 精密長珠軸承			
200 x 50mm (8" x 2")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (phẳng) 鋁芯AQPƯ (平面)	1153-08-87-1	1153-08-87-2	1153-08-87-4	Ổ bi 滾珠	240mm (9-1/2")	55mm	Xoay 155mm Khóa sau 155mm Khóa trước 165mm 活動155mm 後剎155mm 前剎165mm
	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPƯ (圓弧)	1153-08-87-1	1153-08-87-2	1153-08-87-4				
	350kgs (770 lbs)	Bánh EQPU(cong) EQPU輪 (圓弧)	1153-08-81-1	1153-08-81-2	1153-08-81-4				
	350kgs (770 lbs)	Bánh EQPU(phẳng) EQPU輪 (平面)	1153-08-81-1	1153-08-81-2	1153-08-81-4				
	350kgs (770 lbs)	Bánh VQPU (cong) VQPU輪 (圓弧)	1153-08-83-1	1153-08-83-2	1153-08-83-4				
	350kgs (770 lbs)	Bánh MRC MRC輪	1153-08-45-1	1153-08-45-2	1153-08-45-4	Ổ bi 滾珠 Ổng trực/Ổng bạc 中管 Ổ đĩa 滾針 Ổ đĩa chính xác 精密長珠軸承			
	205kgs (450 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi thép) 實心橡膠彈力輪 (鐵框+黑膠條)	1153-08-103-1	1153-08-103-2	1153-08-103-4	Ổ đĩa 滾針			
	205kgs (450 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+黑膠條)	1153-08-104-1	1153-08-104-2	1153-08-104-4	Ổ đĩa 滾針 Ổng trực/Ổng bạc 中管			
	205kgs (450 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi thép) 實心橡膠彈力輪 (鐵框+灰膠條)	1153-08-106-1	1153-08-106-2	1153-08-106-4	Ổ đĩa 滾針			
	205kgs (450 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+灰膠條)	1153-08-107-1	1153-08-107-2	1153-08-107-4	Ổ đĩa 滾針 Ổng trực/Ổng bạc 中管			